

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 108/2020/ HNGĐ-ST
Ngày 15/6/2020
V/v Tranh chấp: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ái Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Mừng
2. Ông Nguyễn Công Hiền

Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Kim Oanh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện

Đ.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa: bà Trương Thị Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 42/2020/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05b/2020/QĐXX-ST ngày 13 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** chị Nguyễn Thị Ánh S, địa chỉ: thôn M, xã S, huyện B, tỉnh Quảng Bình; *có mặt*

- **Bị đơn:** anh Phạm Văn T, địa chỉ: thôn T1, xã H, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; *vắng mặt lần thứ hai không có lý do.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05 tháng 02 năm 2020 và tại phiên Tòa hôm nay nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ánh S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Năm 2015, chị Nguyễn Thị Ánh S và anh Phạm Văn T tự nguyện chung sống, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới và đến năm 2016, vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam. Sau ngày cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2018 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã nhau, anh T xúc phạm, đánh đập chị S. Đến tháng 3 năm 2018 vợ chồng sống ly thân, bỏ mặc không quan tâm đến nhau, anh T không có trách nhiệm gì với gia đình, vợ con.

Nay chị S xét thấy hạnh phúc vợ chồng đã thực sự tan vỡ, mâu thuẫn đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Văn T để chị được tự do định đoạt cuộc sống riêng của mình.

Về con chung: vợ chồng có 01 cháu là Phạm Nguyễn Anh K, sinh ngày 09/8/2015, hiện đang sống với mẹ. Nay ly hôn chị S có nguyện vọng được nuôi

dưỡng, giáo dục cháu K cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Chị S không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung chị S khai vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa can thiệp.

Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, bị đơn Phạm Văn T đã được tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và thông báo kết quả phiên họp, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng cố tình trốn tránh không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, không nêu yêu cầu và ý kiến, không tham gia giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ phát biểu quan điểm:

Về việc tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định pháp luật.

Đối với nguyên đơn Nguyễn Thị Ánh S thực hiện việc khởi kiện, cung cấp chứng cứ và thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ của mình. Riêng đối với bị đơn Phạm Văn T, trong quá trình giải quyết vụ án dù đã được Tòa án tổng đạt giấy triệu tập và các văn bản tố tụng khác hợp lệ nhưng nhiều lần có biểu hiện lẩn tránh, không hợp tác, không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, công khai chứng cứ và hòa giải, vắng mặt tại phiên tòa hai lần không có lý do chính đáng là không thực hiện đúng nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án: xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng chị S và anh T đã thật sự trầm trọng, tình yêu không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị chấp nhận yêu cầu của chị S được ly hôn với anh T. Về con chung đề nghị giao cháu Phạm Nguyễn Anh K (sinh ngày 09/8/2015) cho chị S trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Chị S không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên không đề cập. Về tài sản chung và nợ chung chị S khai không có và không yêu cầu Tòa can thiệp, anh T vắng mặt không nêu ra ý kiến và yêu cầu nên đề nghị không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu hiện có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Phạm Văn T đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án và triệu tập hợp lệ tham gia giải quyết vụ án nhưng cố tình trốn tránh, không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, không tham gia giải quyết vụ án. Tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn Phạm Văn T vắng mặt lần thứ hai không có lý do chính đáng nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự và đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của các bên đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Ánh S và anh Phạm Văn T thì thấy anh chị đã xác lập quan hệ vợ chồng trên cơ sở tình yêu tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của các bên khi giải quyết vụ án.

Xét thực trạng quan hệ hôn nhân của anh T, chị S thì thấy: Theo chị S trình bày, trong quá trình chung sống, giữa vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, anh T có hành vi đánh đập chị S, từ đó vợ chồng sống ly thân, anh T cũng không có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng con cùng chị S. Tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa chị S cương quyết xin ly hôn.

Qua kết quả xác minh cho thấy anh T và chị S có xác lập quan hệ vợ chồng và có 01 con chung, nhưng vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân từ năm 2018 đến nay, bỏ mặc không quan tâm chăm sóc nhau.

Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng mâu thuẫn vợ chồng anh T, chị S đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng đã có thời gian sống ly thân, không quan tâm chăm sóc nhau nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị S, xử cho chị S được ly hôn với anh T là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] *Về quan hệ con chung:* Xét lời khai của chị S về quan hệ con chung phù hợp với các chứng cứ, tài liệu về hộ tịch và kết quả xác minh, thể hiện anh T và chị S có 01 con chung là Phạm Nguyễn Anh K, sinh ngày 09/8/2015. Hiện nay anh T không có mặt tại địa phương, con chung do chị S chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục ổn định. Vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị S, giao cháu K cho chị S trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi là phù hợp với thực tế và không trái pháp luật.

Tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa chị S không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] *Về quan hệ tài sản chung và nợ chung:* Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án chị S khai không có yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung. Anh T vắng mặt không nêu ra ý kiến và yêu cầu của mình. Do vậy, Hội đồng xét xử tách yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung vợ chồng để giải quyết bằng một vụ án khác khi các bên có yêu cầu khởi kiện theo thủ tục chung.

[2.4] *Về án phí:* Hội đồng xét xử xét thấy cần buộc chị S phải chịu án phí kiện xin ly hôn 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 147, 227, 228, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự

Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Tuyên xử cho chị Nguyễn Thị Ánh S được ly hôn với anh Phạm Văn T.

- *Về con chung:* Giao cho chị Nguyễn Thị Ánh S là người trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Phạm Nguyễn Anh K (sinh ngày 09/8/2015) cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi.

Chị Nguyễn Thị Ánh S không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Phạm Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai có quyền cản trở. Khi có lý do chính đáng các bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

- *Về án phí:* Án phí kiện xin ly hôn số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng y*) chị Nguyễn Thị Ánh S phải chịu, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng y*) chị S đã nộp theo biên lai thu số 0003568 ngày 10/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Đại Lộc.

- *Về quyền kháng cáo:* Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm. Đối với bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử phúc thẩm.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

(Đã giải thích luật thi hành án dân sự).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Q.Nam
- VKSND H. Đ
- UBND xã H
- Chi cục THADS H.Đ
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Ái Linh

